

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ X  
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 173/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 9 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Hồng Thảo;

2. Ông Nguyễn Tấn Hậu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa:** Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 236/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 368/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1998;

Cư trú: Số 95/1B đường L, khóm TH2, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1996;

Cư trú: Số 37 đường N, khóm K6, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

*Tại phiên tòa bà H vắng mặt và có đơn xin vắng mặt;*

*ông V vắng mặt.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu quen biết, yêu nhau rồi chung sống có làm đám cưới, đến khi có bầu con thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P ngày 22 tháng 7 năm 2020. Bà H và ông V kết hôn xong thì về sống chung với gia đình chồng ở Bình Khánh. Sau khi bà H sinh con thì vợ chồng lục đục, một mình bà H chăm con, ông V và gia đình chồng không ai phụ tiếp. Đến năm 2021 thì vợ chồng càng mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong nhiều việc, ông V lại hay đi nhậu, không chăm lo gì cho vợ con. Tiền bạc sinh hoạt trong gia đình vợ chồng con cái đều do một mình bà H lo, thiếu thì bà H phải về nhà mẹ đẻ xin. Sống chung trong gia đình chồng mà cũng không ai lo cho bà H và con mặc dù nhà đông người. Ông V thì không chí thú làm ăn, làm được chỗ nào vài bữa lại nghỉ, trông chờ cha mẹ chồng cho hoặc bà H lo, đi xin nhà mẹ đẻ. Do mâu thuẫn nên bà H đã về nhà mẹ đẻ ở. Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, đã quá mâu thuẫn nên bà H yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Phúc Th sinh ngày 08 tháng 5 năm 2020; cháu Nguyễn Phúc Th từ khi chào đời cho đến nay do bà H một tay chăm sóc. Nay ly hôn thì bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:*

Không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương vợ con, ông hứa sẽ sửa đổi để chăm sóc vợ con. Nếu Tòa án cho ly hôn thì ông đồng ý giao con cho vợ nuôi, ông không cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

*Tại phiên tòa*, bà H vắng mặt và có đơn yêu cầu vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông V vắng mặt và không cung cấp thêm ý kiến, tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ

án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân và gia đình: bà Phạm Thị Thúy H và ông Nguyễn Văn V tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn như bà H trình bày. Xét thấy, bà H và ông V không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình; mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung: bà H và ông V có một con chung tên Nguyễn Phúc Th, sinh năm 2020 hiện đang do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, để đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên chấp nhận giao con chung cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Phạm Thị Thúy H và ông Nguyễn Văn V có đăng ký kết hôn; bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, còn ông V là người có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông V vẫn vắng mặt không lý do. Bà Phạm Thị Thúy H vắng mặt và co đơn xin vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị Thúy H và ông Nguyễn Văn V tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố X, tỉnh An Giang. Bà H kiên quyết xin ly hôn vì bà cho rằng ông V không quan tâm, chăm sóc vợ con, không chí thú làm ăn, bà là người phải một mình chăm lo cuộc sống gia đình. Từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng dẫn đến việc bà và con về nhà mẹ đẻ sống, và không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với ông V. Về phía ông V không đồng ý ly hôn, vì ông cho rằng ông vẫn còn yêu thương vợ con, ông hứa sẽ sửa đổi. Nhưng bà H không đồng

ý với việc ông V hứa hẹn, đoàn tụ. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của bà H và ông V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, chung thủy, tin tưởng, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vợ chồng phải chung tay cùng nhau xây dựng tổ ấm. Nhưng bà H và ông V đều không thực hiện được những điều này để cuộc sống gia đình được hạnh phúc, hôn nhân bền vững, mục đích hôn nhân đạt được. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng cho con chung: bà H xác định bà và ông V có một con chung là cháu Nguyễn Phúc Th, sinh năm 2020. Hiện nay cháu sống chung với bà H và bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Còn ông V thì cũng thống nhất giao con cho bà H nuôi và ông không phải cấp dưỡng nuôi con nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy: cháu Nguyễn Phúc Th hiện nay chưa tròn 36 tháng tuổi và do bà H nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi chào đời đến nay. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu Nguyễn Phúc Th, tạo điều kiện cho cháu phát triển bình thường. Bà H và ông V đều tự nguyện xác định ông V không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: bà H phải chịu án phí trong vụ án hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 238; 266; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 19; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Bà Phạm Thị Thúy H được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

2. Về con chung:

Bà Phạm Thị Thúy H và ông Nguyễn Văn V có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Phúc Th, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2020.

Bà Phạm Thị Thúy H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Nguyễn Phúc Th. Bà Phạm Thị Thúy H và thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phúc Th.

Người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có thể thay đổi theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Phúc Th.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng cho con chung có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Phạm Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001345 ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND p. P, tp. X, An Giang;
- (GCNKH số 91 ngày 22-7-2020)
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thùy Giang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Hồng Thảo**

**Nguyễn Tấn Hậu**

**Nguyễn Thùy Giang**

